

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2022

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng;**

2. Ông **Trần Anh Tuấn.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Cẩm Tr**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Triệu Đức Kh**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K

(Anh Triệu Đức Kh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm Tr trình bày: Chị và anh Triệu Đức Kh thành lập gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh ra mâu thuẫn: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, không còn tìm được tiếng

nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hai người đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống thì cuộc hôn nhân này không có hạnh phúc, nên chị Tr quyết định ly hôn với anh Triệu Đức Kh.

Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Phạm Kim Ng, sinh ngày 17-12-2016

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị Cẩm Tr có yêu cầu

- Về hôn nhân : xin được ly hôn với anh Triệu Đức Kh
- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Phạm Kim Ng, sinh ngày 17-12-2016, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con
- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 15-4-2022; Biên bản hòa giải ngày 15-4-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-4-2022 bị đơn anh Triệu Đức Kh trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Cẩm Tr về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị Phạm Thị Cẩm Tr yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm Tr.
- Về con chung: Đồng ý giao con tên Phạm Kim Ng, sinh ngày 17-12-2016 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Kh vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 14- 02-2022 chị Trần Thị Cẩm Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Triệu Đức Kh. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn anh Triệu Đức Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn.

Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh chung sống với nhau vào năm 2014, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 01 người con chung: Phạm Kim Ng, sinh ngày 17-12-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr và anh Kh thống nhất thỏa thuận giao con cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị Tr và anh Kh phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Tr về quyền yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Tr xác định không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con và việc chị Tr không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Cẩm Tr là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh thống nhất giao con : Phạm Kim Ng, sinh ngày 17-12-2016 cho chị Trần trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Triệu Đức Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung : Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Cẩm Tr và anh Triệu Đức Kh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Cẩm Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Tr được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001115, ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Cẩm Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Triệu Đức Kh vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

